

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày 17-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Quốc Trung

Ông Cao Văn Viết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông
Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1536/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Huỳnh Tấn P, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Công H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964; vợ: Võ Thị Minh X, sinh năm 1994; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2041/QĐ-XPHC ngày 30/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 80.000.000 đồng về hành vi *khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông; cát sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền* (nộp phạt xong ngày 16/6/2023); bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N (Năm T), sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Trung T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 29/10/2023, Tổ công tác của Công an huyện C và Công an xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre phát hiện quả tang Huỳnh Tấn P và Nguyễn Trung T1 đang sử dụng ghe gỗ (không biển kiểm soát) thực hiện hành vi khai thác cát sông trái phép trên tuyến sông T tại vị trí có tọa độ X: 01141860, Y: 00563080 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3 độ) thuộc xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cơ quan Công an đã tạm giữ phương tiện cùng tang vật với khối lượng cát sông khai thác trái phép là 11,664m³.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) ghe gỗ không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất 14,5m, chiều rộng lớn nhất 3,24m, chiều cao mạn 1,7m, đã qua sử dụng, rò rỉ nước, hư hỏng nhiều chỗ.

- 01 (một) máy chính không rõ nhãn hiệu, số hiệu, công suất, đã qua sử dụng, dài 1,1m, ngang 0,5m, cao 0,7m.

- 01 (một) máy dùng để bơm, hút cát không rõ nhãn hiệu, công suất, đã qua sử dụng, chiều dài 01m, ngang 0,5m, cao 0,8m.

- 01 (một) hệ thống bơm, hút cát tự chế gồm:

- + 01 (một) đầu bơm hút cát bằng kim loại dùng để bơm hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của phương tiện có một đầu nối với ống hút cát từ lòng sông lên bằng nhựa, màu xanh dài 20m, đường kính 0,15m, cuối ống được nối với ống sắt dài 2,4m, đường kính ống sắt rộng 0,2m, trên ống sắt đính kèm tuýp sắt dài 2,8m đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 1,61m, đường kính 0,15m, đã qua sử dụng.

- + 01 (một) đầu bơm hút cát từ khoang chứa cát lên bờ bằng kim loại, có một đầu nối ống nhựa màu nâu dài 4,7m, đường kính 0,1m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu đen dài 4,4m, đường kính 0,1m, đã qua sử dụng.

- + 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại, có một đầu nối với ống nhựa màu xanh dài 1,2m, đường kính 0,1m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 3,1m, đường kính 0,1m, đã qua sử dụng.

- + 01 (một) bộ toi dùng để kéo, thả ống hút cát dài 0,42m, cao 0,4m, ngang 0,8m rỉ sét, đã qua sử dụng.

- Cát sông, khối lượng 11,664m³ (trừ 05kg cát đã thu mẫu). Hiện đang gửi tại Công ty TNHH MTV V (Có hợp đồng và biên bản gửi của Công an huyện C).

- 01 (một) mẫu cát sông đựng trong túi nilon, được dán niêm phong của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, kí hiệu KS291023 (mẫu cát còn lại sau khi Trung cầu giám định).

Quá trình điều tra, Huỳnh Tấn P khai nhận khoảng 18 giờ ngày 29/10/2023, P đang ở nhà trọ tại xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì T1 gọi điện thoại thuê P đi phụ khai thác cát trái phép với T1, tiền công 250.000 đồng một chuyến thì P đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P xuống bến ghe xã T, thành phố M gặp T1. Sau đó, P được Tính giao nhiệm vụ điều khiển ghe gỗ có gắn hệ thống bơm hút cát tự chế chở T1 ra sông T, khi đến khu vực xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì dừng lại. P làm nhiệm vụ giữ lái cố định phương tiện, Tính thì vận hành hệ thống bơm hút cát thả ống xuống lòng sông để hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của ghe. P và T1 khai thác cát đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện C và Công an xã A, huyện C phát hiện quả tang, đo khối lượng cát và lập biên bản về hành vi khai thác cát sông trái phép. Khối lượng cát đo được trên khoang chứa phương tiện là 11,664m³.

Căn cứ Kết luận giám định tư pháp ngày 23/01/2024 của Giám định cá nhân thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định: Mẫu cát sông được trưng cầu thu giữ trong khoang chứa cát của phương tiện ghe gỗ, không biển số kiểm soát trong vụ vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, xảy ra ngày 29/10/2023 tại sông T thuộc xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, ký hiệu KS291023 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B gửi giám định là khoáng sản.

Ngày 11/01/2024, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre xác định 11,664m³ cát sông do Huỳnh Tấn P và Nguyễn Trung T1 khai thác cát trái phép vào ngày 29/10/2023, tọa độ X: 01141860, Y: 00563080 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3 độ) thuộc thủy phận xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre là 769.824 đồng.

Căn cứ Công văn số 5016/STNMT-QLTN&KTTV ngày 08/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định vị trí có tọa độ X: 01141860, Y: 00563080 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3 độ) nơi Huỳnh Tấn P và Nguyễn Trung T1 khai thác cát trái phép là thuộc tuyến sông T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong hồ sơ cấp phép không có cấp phép khai thác cho tổ chức, cá nhân nào.

Kết quả điều tra xác định, ngày 30/5/2023 Huỳnh Tấn P đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, số tiền là 80.000.000 đồng. Ngày 16/6/2023, Huỳnh Tấn P đã thực hiện xong quyết định. Căn cứ khoản 1 Điều 7 của Luật Xử

lý vi phạm hành chính thì Huỳnh Tấn P không được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Tại Bản cáo trạng số: 33/CT-VKSBT-P1 ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Huỳnh Tấn P về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Huỳnh Tấn P trình bày lời khai: Khoảng 18 giờ ngày 29/10/2023, bị cáo đang ở nhà trọ tại xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì T1 gọi điện thoại thuê bị cáo đi phụ ghe cát với T1, bị cáo biết là đi khai thác cát trái phép, tiền công 250.000 đồng một chuyến và bị cáo đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo xuống bến ghe xã T, thành phố M gặp T1. Sau đó bị cáo được Tính giao nhiệm vụ điều khiển ghe gỗ có gắn hệ thống bơm hút cát tự chế chở T1 ra sông T, khi đến khu vực xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì dừng lại, bị cáo tiếp tục làm nhiệm vụ giữ lái cố định phương tiện, còn T1 thì vận hành hệ thống bơm hút cát và thả ống xuống lòng sông để hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của ghe. Bị cáo và T1 khai thác cát đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện C và Công an xã A phát hiện bắt quả tang và lập biên bản về hành vi khai thác cát sông trái phép. Khối lượng cát đo được trên khoang chứa phương tiện là 11,664m³. Tại thời điểm bắt quả tang thì hệ thống máy bơm hút cát vẫn còn hoạt động, ống hút cát còn nằm dưới lòng sông Tiền. Trước đó vào tháng 05/2023, bị cáo đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 80.000.000 đồng về hành vi khai thác cát trái phép và đã chấp hành xong quyết định vào ngày 16/6/2023. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày lời khai: Vào khoảng tháng 5/2023, ông có mua một chiếc ghe gỗ của một người tên C, ở huyện M, tỉnh Bến Tre (không rõ địa chỉ cụ thể) với giá 63.000.000 đồng. Vào ngày 29/10/2023, ông đi giữ ao cá ở ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, ông giao ghe cho con của ông là Nguyễn Trung T1 sửa chữa để đi chở cá. Đến sáng ngày 30/10/2023 thì T1 điện thoại cho ông báo là T1 sử dụng ghe gỗ của ông đi khai thác cát trái phép đã bị Công an bắt. Ông không có chỉ đạo T1 và P đi khai thác cát trái phép. Ghe gỗ và dụng cụ bơm hút cát trên ghe là tài sản của ông, ông yêu cầu được nhận lại tài sản này.

- Người làm chứng anh Nguyễn Trung T1 trình bày lời khai: Khoảng 18 giờ ngày 29/10/2023, anh gọi điện thoại thuê bị cáo Huỳnh Tấn P đi phụ ghe cát với anh, tức là đi khai thác cát trái phép với giá tiền công là 250.000 đồng một chuyến và P đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P xuống bến ghe tại xã T, thành phố

M gặp anh. Sau đó, anh giao nhiệm vụ cho P điều khiển ghe gỗ có gắn hệ thống bơm hút cát chở anh ra sông T, khi đến khu vực xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì dừng lại. P tiếp tục làm nhiệm vụ giữ lái cố định ghe, còn anh thì vận hành hệ thống bơm hút cát và thả ống xuống lòng sông để hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của ghe. Anh và P khai thác cát đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện C và Công an xã A, huyện C phát hiện bắt quả tang và lập biên bản về hành vi khai thác cát sông trái phép. Khối lượng cát đo được trong khoang chứa của phương tiện là 11,664m³. Tại thời điểm bắt quả tang thì hệ thống máy bơm hút cát vẫn còn hoạt động, ống hút cát còn nằm dưới lòng sông. Ghe gỗ và dụng cụ bơm hút cát trên ghe thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Kháng định Bản cáo trạng số: 33/CT-VKSBT-P1 ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Huỳnh Tấn P về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tấn P phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn P từ 03 tháng đến 05 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 01 (một) ghe gỗ không biển kiểm soát cùng dụng cụ bơm hút cát trên ghe;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Cát sông, khối lượng 11,664m³ (trừ 05 kg cát đã thu mẫu); 01 (một) mẫu cát sông ký hiệu KS291023 (mẫu cát còn lại sau giám định) theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được ở ngoài làm nuôi con nhỏ vì gia đình bị cáo khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Mặc dù Huỳnh Tấn P đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và không được cấp phép khai thác khoáng sản. Nhưng vào ngày 29/10/2023, Huỳnh Tấn P tiếp tục có hành vi cùng Nguyễn Trung T1 sử dụng ghe gỗ (không biển kiểm soát) có lắp đặt hệ thống bơm hút cát đến khu vực sông T tại vị trí tọa độ X: 01141860, Y: 00563080 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3 độ) thuộc thủy phận xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre để hút cát từ lòng sông lên ghe thì bị Tổ công tác của Công an huyện C và Công an xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre phát hiện bắt quả tang vào lúc 22 giờ 00 phút, với tổng khối lượng cát sông đã khai thác được là 11,664m³, tổng trị giá 769.824 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép chưa được xóa tiền sự, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cát sông), và tại khu vực bị cáo khai thác cát trên tuyến sông T thuộc thủy phận xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì Ủy ban nhân dân tỉnh B không có cấp phép khai thác khoáng sản (cát lòng sông) cho cá nhân, tổ chức nào nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép với khối lượng 11,664m³; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường sinh thái và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Với ý thức, hành vi, hậu quả xảy ra và nhân thân của bị cáo, thấy rằng Bản cáo trạng số: 33/CT-VKSBT-P1 ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố Huỳnh Tấn P về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” với tình tiết định khung “*Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi*

quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: Xuất phát từ việc bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính phải đi làm thuê lo cho gia đình; mặc dù bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản (cát sông) và tại khu vực bị cáo khai thác cát sông thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có cấp phép khai thác khoáng sản (cát lòng sông) cho tổ chức, cá nhân nào nhưng bị cáo vẫn tiếp tục cùng với anh T1 thực hiện hành vi khai thác cát sông trái phép. Bị cáo sử dụng phương tiện ghe gỗ cùng dụng cụ bơm hút cát có sẵn trên ghe, thực hiện hành vi bơm hút cát trái phép vào đêm tối để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng; quá trình bơm hút cát trái phép thì anh T1 thả ống, thả sào xuống sông và vận hành máy bơm hút cát lên phương tiện, bị cáo phụ trách lái ghe và ngồi giữ lái để cố định phương tiện; tại thời điểm cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện hành vi khai thác cát trái phép của bị cáo thì máy hút cát vẫn còn hoạt động, ống và sào vẫn còn ở dưới sông, khối lượng cát bị cáo đã khai thác trái phép được xác định là 11,664m³. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, là nguyên nhân gây ra biến đổi xấu về môi trường.

[5] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lượng hình: Bị cáo không có tiền án; tuy nhiên nhưng vào năm 2020 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 81.250.000 đồng về hành vi khai thác trái phép khối lượng 98,3m³ cát sông, đã chấp hành xong quyết định xử phạt và được xóa tiền sự; đến ngày 30/5/2023 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 80.000.000 đồng về hành vi khai thác trái phép khối lượng 17,1m³ cát sông, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 16/6/2023 nhưng chưa được xóa tiền sự; đến ngày 29/10/2023 bị cáo lại tiếp tục khai thác trái phép khối lượng 11,664m³ cát sông bị bắt quả tang, lần này bị cáo bị xử lý hình sự; điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo *phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, sau khi phạm tội đã *thành*

khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có *hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi con còn nhỏ, có bà nội được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xét thấy trong giai đoạn hiện nay tình hình khai thác cát trên sông diễn ra phức tạp, đã gây sạt lở đất canh tác, sạt lở bờ sông, gây tác hại xấu khó lường đối với môi trường, gây bức xúc trong nhân dân. Qua xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 ghe gỗ không biển kiểm soát cùng dụng cụ bơm hút cát trên ghe, đây là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn N, ông N không có lỗi trong việc bị cáo và T1 sử dụng ghe này đi khai thác cát trái phép, nên trả lại tài sản này cho ông Nguyễn Văn N là phù hợp.

- Đối với cát sông khối lượng 11,664m³ (trừ 05 kg cát đã thu mẫu) và 01 mẫu cát sông ký hiệu KS291023 (mẫu cát còn lại sau giám định), cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[7] Về các vấn đề khác:

- Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Đối với Nguyễn Trung T1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến hành vi khai thác cát trái phép chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã ra quyết định số 6653/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với T1 số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tấn P phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn P 05 (năm) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

* Trả lại cho ông Nguyễn Văn N:

- 01 (một) ghe gỗ không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất 14,5m, chiều rộng lớn nhất 3,24m, chiều cao mạn 1,7m, đã qua sử dụng, rò rỉ nước, hư hỏng nhiều chỗ.

- 01 (một) máy chính không rõ nhãn hiệu, số hiệu, công suất, đã qua sử dụng, dài 1,1m, ngang 0,5m, cao 0,7m.

- 01 (một) máy dùng để bơm, hút cát không rõ nhãn hiệu, công suất, đã qua sử dụng, chiều dài 01m, ngang 0,5m, cao 0,8m.

- 01 (một) hệ thống bơm, hút cát tự chế gồm:

+ 01 (một) đầu bơm hút cát bằng kim loại dùng để bơm hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của phương tiện có một đầu nối với ống hút cát từ lòng sông lên bằng nhựa, màu xanh dài 20m, đường kính 0,15m, cuối ống được nối với ống sắt dài 2,4m, đường kính ống sắt rộng 0,2m, trên ống sắt đính kèm tuýp sắt dài 2,8m đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 1,61m, đường kính 0,15m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) đầu bơm hút cát từ khoang chứa cát lên bờ bằng kim loại, có một đầu nối ống nhựa màu nâu dài 4,7m, đường kính 0,1m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu đen dài 4,4m, đường kính 0,1m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại, có một đầu nối với ống nhựa màu xanh dài 1,2m, đường kính 0,1m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 3,1m, đường kính 0,1m, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) bộ toi dùng để kéo, thả ống hút cát dài 0,42m, cao 0,4m, ngang 0,8m rỉ sét, đã qua sử dụng.

* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- Cát sông, khối lượng 11,664m³ (trừ 05kg cát đã thu mẫu). Hiện đang gửi tại Công ty TNHH MTV V (có hợp đồng và biên bản gửi của Công an huyện C).

- 01 (một) mẫu cát sông đựng trong túi nilon, được dán niêm phong của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, ký hiệu KS291023 (mẫu cát còn lại sau khi Trung cầu giám định).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Huỳnh Tấn P phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã C, huyện B (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (4b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông